

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 28./2020/VNECO9-CBTT

Nha Trang, ngày 29 tháng 03 năm 2021

V/v: CBTT BCTC năm 2020 soát xét, giải trình chênh lệch lợi nhuận **giảm (lỗ)** trên 10% so với cùng kỳ và tăng lỗ so với BCTC chưa kiểm toán.

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9**
2. Mã chứng khoán: **VE9**
3. Địa chỉ trụ sở: Số 20, Hùng Vương, phường Lộc Thọ - Tp. Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa.
4. Điện thoại: 0258.3525 886 Fax: 0258.3522 394
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Trần Ngọc Anh**.
6. Loại thông tin công bố: ( ) 24 giờ, ( ) 72 giờ, ( ) Yêu cầu, ( ) Bất thường, (X) Định kỳ.
7. **Nội dung của thông tin công bố:**
  - 7.1 Báo cáo tài chính năm 2020 soát xét của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng VNECO 9 được lập ngày 24 tháng 3 năm 2021 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 7.2 Nội dung giải trình chênh lệch **giảm (lỗ)** trên 10% LNST so với cùng kỳ:
    - \*/ LNST năm 2020 là: (21.909.787.850) đồng và LNST năm 2019 là: (61.946.650.891) đồng nguyên nhân chênh lệch **lỗ** giảm trên 10% của năm 2020 so với năm 2019 là do Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2020 thấp hơn năm 2019.
    - \*/ Lợi nhuận sau thuế năm 2020 chưa soát xét là: (21.909.787.850) đồng và Lợi nhuận sau thuế năm 2020 soát xét là: (27.918.285.527) đồng nguyên nhân chênh lệch tăng lỗ (6.008.497.677) đồng là do Công ty kiểm toán trích lập dự phòng những khoản phải thu khó đòi.
8. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ thông tin công bố: <http://www.vneco9.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: Vp Cty.



**Trần Ngọc Anh**



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG VNECO 9**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

## MỤC LỤC

Thông tin chung	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.9, là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp điện 3.9 theo Quyết định số 160/2004/QĐ-BCN ngày 06 tháng 12 năm 2004 của Bộ Công nghiệp. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006, Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.9 được đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 4200580651 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 9 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ: 125.236.130.000 VND  
(Một trăm hai mươi lăm tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu một trăm ba mươi ngàn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

Tổng số cổ phần: 12.523.613 cổ phần

Mã chứng khoán: VE9

Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : (0258) 3525 404
- Fax : (0258) 3522 394

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Đại lý các mặt hàng trang trí nội thất;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn thiết bị phòng cháy, chữa cháy, hệ thống chống trộm, chống sét, báo cháy, camera, thiết bị tiết kiệm năng lượng;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn, thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn đồ uống;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán rượu, quầy bar);
- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Vũ Thị Thanh Nga	Chủ tịch	04/06/2019	
Ông Nguyễn Công Quyền	Thành viên	28/04/2018	
Ông Hồ Văn Quang	Thành viên	28/04/2017	22/05/2020
Ông Nguyễn Văn Cải	Thành viên	28/04/2017	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên	22/05/2020	

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Công Quyền	Giám đốc	16/04/2016	
Ông Lê Ngọc Anh	Kế toán trưởng	03/05/2012	04/01/2021
Bà Phan Thị Thanh Vi	Kế toán trưởng	04/01/2021	

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo là ông Nguyễn Công Quyền (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016).

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**NGUYỄN CÔNG QUYÊN**  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021

25  
TY  
1  
AM  
NA  
X



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

**PKF**  
Accountants &  
business advisers

Số: 176/2021/BCKT-HCM.00561

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2021 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**BÙI TUYẾT VÂN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2018-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

**NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2782-2019-009-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.704.169.068</b>	<b>98.669.634.918</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>419.621.081</b>	<b>1.566.775.146</b>
Tiền	111		419.621.081	106.775.146
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.460.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2.1	<b>1.665.408.000</b>	<b>3.980.677.195</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.665.408.000	3.980.677.195
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>25.216.975.383</b>	<b>71.079.285.436</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	43.010.256.382	58.813.554.963
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	342.693.199	10.632.556.857
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.866.705.614	4.811.048.761
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(22.002.679.812)	(3.177.875.145)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>16.957.804.846</b>	<b>21.651.982.294</b>
Hàng tồn kho	141		17.501.634.129	22.195.811.577
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(543.829.283)	(543.829.283)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>444.359.758</b>	<b>390.914.847</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.13	395.572.400	390.914.838
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	48.787.358	9
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.667.983.212</b>	<b>8.747.748.385</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.576.533.839</b>	<b>1.656.299.012</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	555.624.748	635.389.921
Nguyên giá	222		6.054.316.389	6.054.316.389
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.498.691.641)	(5.418.926.468)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.020.909.091	1.020.909.091
Nguyên giá	228		1.075.909.091	1.075.909.091
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(55.000.000)	(55.000.000)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.005.000.000</b>	<b>1.005.000.000</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	1.005.000.000	1.005.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2.2	<b>7.086.449.373</b>	<b>6.086.449.373</b>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		5.635.949.373	5.635.949.373
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		450.500.000	450.500.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.000.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>54.372.152.280</b>	<b>107.417.383.303</b>



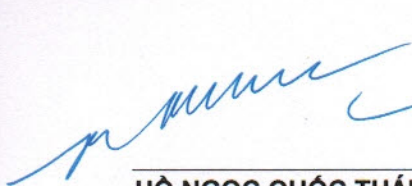
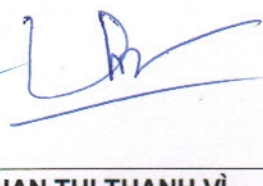
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.294.326.442</b>	<b>38.752.271.938</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.076.276.442</b>	<b>38.534.221.938</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	8.965.740.776	23.486.812.901
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	878.485.660	284.629.631
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	270.403.974	270.403.974
Phải trả người lao động	314	5.14	150.761.300	465.884.500
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.785.516.022	4.567.056.267
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	1.243.548.766	8.675.614.721
Quý khen thưởng và phúc lợi	322	5.17	781.819.944	783.819.944
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>218.050.000</b>	<b>218.050.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	218.050.000	218.050.000
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.077.825.838</b>	<b>68.665.111.365</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>40.077.825.838</b>	<b>68.665.111.365</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.236.130.000	125.236.130.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		270.000.000	270.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		579.050.700	579.050.700
Cổ phiếu quỹ	415		(669.000.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.381.829.310	3.381.829.310
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.138.859.449	1.138.859.449
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(89.859.043.621)	(61.940.758.094)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(61.940.758.094)	5.892.797
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(27.918.285.527)	(61.946.650.891)
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>54.372.152.280</b>	<b>107.417.383.303</b>

**HÒ NGỌC QUỐC THÁI**  
Người lập biểu

**PHAN THỊ THANH VIỆT**  
Kế toán trưởng



  
**NGUYỄN CÔNG QUYỀN**  
Giám đốc

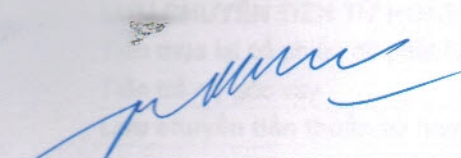
Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
 20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1	<b>13.035.728.350</b>	<b>27.309.645.463</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>13.035.728.350</b>	<b>27.309.645.463</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>15.169.596.979</b>	<b>79.695.549.555</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>(2.133.868.629)</b>	<b>(52.385.904.092)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	188.981.282	421.626.967
Chi phí tài chính	22	6.4	-	12.424.270
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	12.187.671
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	23.520.503.165	9.955.646.714
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(25.465.390.512)</b>	<b>(61.932.348.109)</b>
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	6.6	2.452.895.015	14.302.782
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(2.452.895.015)</b>	<b>(14.302.782)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(27.918.285.527)</b>	<b>(61.946.650.891)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(27.918.285.527)</b>	<b>(61.946.650.891)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	(2.260)	(4.946)

  
**HỒ NGỌC QUỐC THÁI**  
 Người lập biểu

  
**PHAN THỊ THANH VÌ**  
 Kế toán trưởng



  
**NGUYỄN CÔNG QUYỀN**  
 Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9

20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	(27.918.285.527)	(61.946.650.891)
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	79.765.173	397.846.405
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	18.824.804.667	2.168.599.486
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	236.599
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(188.981.282)	(421.626.967)
Chi phí lãi vay	06	-	12.187.671
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(9.202.696.969)</b>	<b>(59.789.407.697)</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	26.984.060.475	33.281.119.284
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.694.177.448	8.917.721.810
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(24.455.945.496)	1.126.880.290
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	-	258.653.806
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(12.187.671)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(304.240.985)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.000.000)	(3.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.982.404.542)</b>	<b>(16.524.461.163)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.560.000.000)	(4.374.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	4.030.719.716	2.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.530.761	364.076.033
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.504.250.477</b>	<b>(2.009.923.967)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(669.000.000)	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(266.650.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(669.000.000)</b>	<b>(266.650.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(1.147.154.065)</b>	<b>(18.801.035.130)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>1.566.775.146</b>	<b>20.368.046.875</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(236.599)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>419.621.081</b>	<b>1.566.775.146</b>

HỒ NGỌC QUỐC THÁI  
Người lập biểu

PHAN THỊ THANH VÌ  
Kế toán trưởng

NGUYỄN CÔNG QUYỀN  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.9, là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp điện 3.9 theo Quyết định số 160/2004/QĐ-BCN ngày 06 tháng 12 năm 2004 của Bộ Công nghiệp. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2005, Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.9 được đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 4200580651 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 9 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ: 125.236.130.000 VND  
(Một trăm hai mươi lăm tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu một trăm ba mươi ngàn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

Tổng số cổ phần: 12.523.613 cổ phần

Mã chứng khoán: VE9

Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV và các công trình nguồn điện;
- Xây dựng công trình cửa;
- Xây dựng đường hầm;
- Các công việc xây dựng khác không phải nhà;
- Tư vấn, thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình giao thông đường bộ;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lý, môi giới các mặt bằng trang trí nội thất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn đồ uống; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hay mục đích khác;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện; và
- Trồng rừng và chăm sóc rừng khác. Kinh doanh dưới tán cây rừng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong lĩnh vực xây dựng, do đó Công ty không xác định được chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

### 1.5 Cấu trúc của Công ty

#### Công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp(%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết(%)	Tỷ lệ lợi ích(%)
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt Lioa	Nhà máy nước khoáng Tu Bông, Xã Vạn Thọ, Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất kinh doanh điện năng; Sản xuất lắp ráp sản phẩm điện - điện tử - cơ khí; Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500 KV và các công trình nguồn điện, xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi; Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Buôn bán sản phẩm điện - điện tử - cơ khí; Mua bán các loại vật liệu xây dựng, các mặt hàng trang trí nội, ngoại thất; Sản xuất và mua bán nước khoáng đóng chai; nước khoáng nguyên liệu; Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ kèm theo; Kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa	20,00	20,00	20,00

#### Đầu tư khác:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp(%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết(%)	Tỷ lệ lợi ích(%)
Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang	Tầng 8, 20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Trồng rừng và chăm sóc rừng khác; kinh doanh dưới tán cây rừng.	3,00	3,00	3,00

### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính của năm trước.

### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 12 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 21 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

###### Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được trích lập khi công ty con, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, liên kết. Nếu công ty con, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

##### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc, thiết bị	06 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06

### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Phần mềm máy tính***

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 – 03 năm.

### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.12 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 4.18 Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
 20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**4.19 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Đối tượng	Quan hệ
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt Lioa Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Công ty liên kết Thành viên quản lý chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt – VND	4.536.858	17.813.436
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	415.084.223	73.507.822
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	-	15.453.888
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng – VND	-	1.460.000.000
	<b>419.621.081</b>	<b>1.566.775.146</b>

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn**

**5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng				
• Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM – Chi nhánh Nha Trang	1.665.408.000	1.665.408.000	-	-
• Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa	-	-	3.330.677.195	3.330.677.195
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Khánh Hòa	-	-	650.000.000	650.000.000
	<b>1.665.408.000</b>	<b>1.665.408.000</b>	<b>3.980.677.195</b>	<b>3.980.677.195</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM – Chi nhánh Nha Trang để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty với số tiền 100.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
 20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn**

		31/12/2020			01/01/2020		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>							
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt Lioa	(a)	5.635.949.373	-	(*) 5.635.949.373	-	(*)	
<b>Đầu tư vào công ty khác</b>							
Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang	(b)	450.500.000	-	(*) 450.500.000	-	(*)	
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>							
Trái phiếu Công ty cổ phần chứng khoán HDB (HDBS)	(c)	1.000.000.000	-	-	-	-	
		<b>7.086.449.373</b>	<b>-</b>	<b>6.086.449.373</b>	<b>-</b>		

(\*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

*Cam kết của Công ty về góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2020:*

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư VND	Cam kết góp vốn của Công ty		
		Vốn cam kết góp VND	Vốn đã góp đến 31/12/2020 VND	Vốn chưa góp đến 31/12/2020 VND
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt Lioa	100.000.000.000	20.000.000.000	5.635.949.373	14.364.050.627
	<b>100.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>5.635.949.373</b>	<b>14.364.050.627</b>

**Tình hình hoạt động của công ty liên kết:**

(a) Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt Lioa được thành lập bởi các cổ đông sáng lập là Công ty TNHH Nhật Linh, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9, ông Nguyễn Chí Linh và ông Trần Trọng Thắng. Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt Lioa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4201185735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 26 tháng 5 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt Lioa là nhà máy nước khoáng Tu Bông, đặt tại Xã Vạn Thọ, Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt Lioa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND; trong đó, Công ty đăng ký góp 20.000.000.000 VND (tương đương 20% vốn điều lệ).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt Lioa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là: Sản xuất kinh doanh điện năng; Sản xuất lắp ráp sản phẩm điện - điện tử - cơ khí; Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500 KV và các công trình nguồn điện, xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi; Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Buôn bán sản phẩm điện - điện tử - cơ khí; Mua bán các loại vật liệu xây dựng, các mặt hàng trang trí nội, ngoại thất; Sản xuất và mua bán nước khoáng đóng chai; nước khoáng nguyên liệu; Đại lý mua bán kỹ gửi hàng hóa; Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ kèm theo; Kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(b) Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4200692281 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 29 tháng 5 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Trụ sở chính của Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang đặt tại tầng 8, 20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 09 ngày 29 tháng 11 năm 2016 là 15.000.000.000 VND; trong đó, Công ty góp 450.500.000 VND (tương đương 3,00% vốn điều lệ).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: trồng rừng và chăm sóc rừng khác; kinh doanh dưới tán cây rừng.

(c) Hợp đồng mua bán trái phiếu số M0442001180-SVG01202305 ngày 28/07/2020

Loại trái phiếu: Thông thường, không chuyển đổi, không có bảo đảm.  
Mã trái phiếu: SVG01202305.  
Ngày phát hành: 17/01/2020.  
Ngày đáo hạn: 17/01/2023.  
Lãi suất: Quy định chi tiết tại bản công bố thông tin do Tổ chức phát hành ký ngày 27/12/2019 về việc phát hành trái phiếu và các văn bản có liên quan.  
Mệnh giá: 100.000.000 đồng/trái phiếu.  
Số lượng: 10 trái phiếu.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với công ty liên doanh, liên kết: xem Thuyết minh số 10.1.2.

### 5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải thu các khách hàng bên liên quan</b>		
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt Lioa	11.515.000	11.515.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty cổ phần Du lịch xanh Nha Trang	30.042.488.386	30.042.488.386
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.894.698.457	1.140.848.649
Các khách hàng khác	6.061.554.539	27.618.702.928
	<b>43.010.256.382</b>	<b>58.813.554.963</b>

### 5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Ông Nguyễn Bá Thường	90.000.000	90.000.000
Công ty cổ phần Tư vấn truyền thông Phương Đông	48.000.000	48.000.000
Các nhà cung cấp khác	204.693.199	10.494.556.857
	<b>342.693.199</b>	<b>10.632.556.857</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2020 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2020 Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác bên liên quan</b>				
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt Lioa – chi hộ	583.691.369	(570.277.769)	583.691.369	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Tạm ứng cho nhân viên Công ty TNHH Nước khoáng Tu Bông – chi hộ	703.112.428	(508.119.051)	1.306.775.575	(458.297.809)
Phải thu ngắn hạn khác	1.339.193.428	(1.272.537.445)	1.279.873.428	-
	1.240.708.389	(703.945.543)	1.640.708.389	(650.051.837)
	<b>3.866.705.614</b>	<b>(3.054.879.808)</b>	<b>4.811.048.761</b>	<b>(1.108.349.646)</b>

### 5.6 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	31/12/2020 Giá trị đã dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	01/01/2020 Giá trị đã dự phòng VND
<b>Phải thu tiền bán hàng</b>						
• Ông Ngô Thanh Long	Trên 3 năm	1.424.000.000	(1.424.000.000)	Trên 3 năm	1.424.000.000	(1.424.000.000)
• Công ty cổ phần Du lịch xanh Nha Trang	Trên 1 năm	30.042.488.386	(15.021.244.193)		-	-
• Khách hàng khác Trả trước cho người bán	1 – 3 năm	4.288.523.811	(2.164.580.728)	2 – 3 năm	308.792.003	(307.550.416)
• Ông Nguyễn Huỳnh Thuận	Trên 3 năm	36.790.717	(36.790.717)	Trên 3 năm	36.790.717	(36.790.717)
• Ông Nguyễn Bá Thường	Trên 3 năm	90.000.000	(90.000.000)	Trên 3 năm	90.000.000	(90.000.000)
• Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Trên 3 năm	44.450.000	(44.450.000)	Trên 3 năm	44.450.000	(44.450.000)
• Công ty cổ phần Tư vấn truyền thông Phương Đông	Trên 3 năm	48.000.000	(48.000.000)	Trên 3 năm	48.000.000	(48.000.000)
• Công ty TNHH T.Y.N	Trên 3 năm	47.037.944	(47.037.944)	Trên 3 năm	47.037.944	(47.037.944)
• Nhà cung cấp khác	Trên 3 năm	71.696.422	(71.696.422)	Trên 3 năm	71.696.422	(71.696.422)
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>						
• Công ty TNHH Nước khoáng Tu Bông	1 – 3 năm	1.338.058.428	(1.272.537.445)		-	-
• Các cá nhân khác	1 – 3 năm	1.818.853.265	(1.782.342.363)	Trên 3 năm	1.108.349.646	(1.108.349.646)
		<b>39.249.898.973</b>	<b>(22.002.679.812)</b>		<b>3.179.116.732</b>	<b>(3.177.875.145)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	3.177.875.145	1.009.275.659
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng	18.824.804.667	2.168.599.486
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.002.679.812</b>	<b>3.177.875.145</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	468.554.976	-	1.911.802.201	-
Công cụ, dụng cụ	437.004.513	-	442.619.513	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ngắn hạn	16.596.074.640	(543.829.283)	19.841.389.863	(543.829.283)
	<b>17.501.634.129</b>	<b>(543.829.283)</b>	<b>22.195.811.577</b>	<b>(543.829.283)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	543.829.283	543.829.283
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>543.829.283</b>	<b>543.829.283</b>

### 5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2020	1.150.379.411	884.062.385	3.976.136.714	43.737.879	6.054.316.389
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	<b>1.150.379.411</b>	<b>884.062.385</b>	<b>3.976.136.714</b>	<b>43.737.879</b>	<b>6.054.316.389</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2020	563.685.909	835.365.966	3.976.136.714	43.737.879	5.418.926.468
Khấu hao trong năm	46.015.176	33.749.997	-	-	79.765.173
Tại ngày 31/12/2020	<b>609.701.085</b>	<b>869.115.963</b>	<b>3.976.136.714</b>	<b>43.737.879</b>	<b>5.498.691.641</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2020	586.693.502	48.696.419	-	-	635.389.921
Tại ngày 31/12/2020	<b>540.678.326</b>	<b>14.946.422</b>	-	-	<b>555.624.748</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2020	-	615.562.385	3.976.136.714	43.737.879	<b>4.635.436.978</b>
Tại ngày 31/12/2020	-	744.562.385	3.976.136.714	43.737.879	<b>4.764.436.978</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2020	1.020.909.091	55.000.000	1.075.909.091
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	<b>1.020.909.091</b>	<b>55.000.000</b>	<b>1.075.909.091</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2020	-	55.000.000	55.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	-	<b>55.000.000</b>	<b>55.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2020	1.020.909.091	-	1.020.909.091
Tại ngày 31/12/2020	<b>1.020.909.091</b>	-	<b>1.020.909.091</b>
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>			
Tại ngày 01/01/2020	-	55.000.000	55.000.000
Tại ngày 31/12/2020	-	55.000.000	55.000.000

Quyền sử dụng đất của Công ty tại số 22 – 24 Đường số 52, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 1.020.909.091 VND. Thời gian sử dụng lâu dài.

### 5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí mua đất (*)	1.005.000.000	1.005.000.000
	<b>1.005.000.000</b>	<b>1.005.000.000</b>

(\*) Chi phí mua lô đất tại thửa đất số 530, tờ bản đồ số 02, Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 6640 ngày 21 tháng 3 năm 2011. Hiện tại, các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Công ty vẫn đang được tiến hành.

### 5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc VND	31/12/2020 Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	01/01/2020 Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>				
Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	6.855.826.485	6.855.826.485	1.140.848.649	1.140.848.649
Các nhà cung cấp khác	2.109.914.291	2.109.914.291	22.345.964.252	22.345.964.252
	<b>8.965.740.776</b>	<b>8.965.740.776</b>	<b>23.486.812.901</b>	<b>23.486.812.901</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
 20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	162.500.000	162.500.000
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	96.362.599	96.362.599
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam	593.856.029	-
Các khách hàng khác	25.767.032	25.767.032
	<b>878.485.660</b>	<b>284.629.631</b>

**5.13 Thuế**

**Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	<b>395.572.400</b>	<b>390.914.838</b>

**Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	-	2.409.023.977	(2.457.811.326)	48.787.349	-
Thuế TNDN	9	-	-	-	9	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.766.047	49.347.100	(49.347.100)	-	15.766.047
Thuế khác	-	254.637.927	3.000.000	(3.000.000)	-	254.637.927
<b>Cộng</b>	<b>9</b>	<b>270.403.974</b>	<b>2.461.371.077</b>	<b>(2.510.158.426)</b>	<b>48.787.358</b>	<b>270.403.974</b>

**Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được ước tính như sau:

	2020 VND	2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(27.918.285.527)	(61.946.650.891)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Chi phí không được khấu trừ	2.452.895.015	38.885.957.016
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(25.465.390.512)</b>	<b>(23.060.693.875)</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
 20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Thuế (tiếp theo)**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.14 Phải trả người lao động**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền lương phải trả	150.761.300	465.884.500
	<b>150.761.300</b>	<b>465.884.500</b>

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Giá vốn công trình tạm tính</i>		
Công trình Nha Trang Tuy Hòa	762.129.062	762.129.062
Công trình khác	533.386.960	3.804.927.205
Chi phí phải trả khác	490.000.000	-
	<b>1.785.516.022</b>	<b>4.567.056.267</b>

**5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Phải trả công trình	580.214.540	7.113.999.221
Phải trả tạm ứng nhân viên	619.444.622	1.517.225.896
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	43.889.604	44.389.604
	<b>1.243.548.766</b>	<b>8.675.614.721</b>

**5.16.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam – thu hộ	204.750.000	204.750.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.300.000	13.300.000
	<b>218.050.000</b>	<b>218.050.000</b>

**5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2020 VND	Trích lập quỹ từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2020 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	783.819.944	-	(2.000.000)	781.819.944
	<b>783.819.944</b>	<b>-</b>	<b>(2.000.000)</b>	<b>781.819.944</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
 0 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**1.18 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**

**1.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
tại ngày 01/01/2019	125.236.130.000	270.000.000	579.050.700	-	3.381.829.310	1.138.859.449	77.892.797	130.683.762.256
đó trong năm	-	-	-	-	-	-	(61.946.650.891)	(61.946.650.891)
hủy lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	(72.000.000)	(72.000.000)
tại ngày 31/12/2019	<b>125.236.130.000</b>	<b>270.000.000</b>	<b>579.050.700</b>	<b>-</b>	<b>3.381.829.310</b>	<b>1.138.859.449</b>	<b>(61.940.758.094)</b>	<b>68.665.111.365</b>
tại ngày 01/01/2020	125.236.130.000	270.000.000	579.050.700	-	3.381.829.310	1.138.859.449	(61.940.758.094)	68.665.111.365
đó phiếu quỹ	-	-	-	(669.000.000)	-	-	-	(669.000.000)
đó trong năm	-	-	-	-	-	-	(27.918.285.527)	(27.918.285.527)
tại ngày 31/12/2020	<b>125.236.130.000</b>	<b>270.000.000</b>	<b>579.050.700</b>	<b>(669.000.000)</b>	<b>3.381.829.310</b>	<b>1.138.859.449</b>	<b>(89.859.043.621)</b>	<b>40.077.825.838</b>

Chi tiết vốn thực góp của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
American LLC	578.100	5.781.000.000	4,62
Nguyễn Chi Linh	713.200	7.132.000.000	5,69
Ông Vũ Mạnh Cường	628.800	6.288.000.000	5,02
Ông Nguyễn Công Quyền	136.072	1.360.720.000	1,09
Cổ đông khác	9.967.441	99.674.410.000	79,59
Cổ phiếu quỹ	500.000	5.000.000.000	3,99
	<b>12.523.613</b>	<b>125.236.130.000</b>	<b>100,00</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
 20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.18.2 Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.523.613	12.523.613
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.523.613	12.523.613
- Cổ phiếu phổ thông	12.523.613	12.523.613
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	500.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	500.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.023.613	12.523.613
- Cổ phiếu phổ thông	12.023.613	12.523.613
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/CP.

**5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020	01/01/2020
Dollar Mỹ (USD)	-	668,71

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu – hợp đồng xây dựng	13.035.728.350	27.309.645.463
	<b>13.035.728.350</b>	<b>27.309.645.463</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn – hợp đồng xây dựng	15.169.596.979	79.695.549.555
	<b>15.169.596.979</b>	<b>79.695.549.555</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	188.981.282	421.626.967
	<b>188.981.282</b>	<b>421.626.967</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	-	12.187.671
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	236.599
	-	<b>12.424.270</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
 20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	3.236.134.855	3.616.047.300
Chi phí dự phòng	18.824.804.667	2.168.599.486
Chi phí khác	1.459.563.643	4.170.999.928
	<b>23.520.503.165</b>	<b>9.955.646.714</b>

**6.6 Chi phí khác**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nộp phạt	43.871.038	14.302.782
Nộp bổ sung thuế GTGT	2.409.023.977	-
	<b>2.452.895.015</b>	<b>14.302.782</b>

**6.7 Lãi trên cổ phiếu**

**6.7.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	(27.918.285.527)	(61.946.650.891)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(27.918.285.527)	(61.946.650.891)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.355.580	12.523.613
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(2.260)</b>	<b>(4.946)</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	2020	2019
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	12.523.613	12.523.613
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(168.033)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>12.355.580</b>	<b>12.523.613</b>

**6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	331.960.695	17.239.704.769
Chi phí nhân công	3.599.685.398	6.060.769.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.765.173	397.846.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.577.899.683	46.669.545.598
Chi phí khác	20.215.458.849	9.527.032.691
	<b>35.804.769.798</b>	<b>79.894.899.263</b>

## 7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### *i. Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### *ii. Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VNECO 9  
 20 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả người bán	8.965.740.776		8.965.740.776
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.365.730.562	218.050.000	2.583.780.562
	<b>11.364.553.342</b>	<b>218.050.000</b>	<b>11.549.521.338</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả người bán	23.486.812.901		23.486.812.901
Phải trả khác và chi phí phải trả	11.714.137.492	218.050.000	11.932.187.492
	<b>35.200.950.393</b>	<b>218.050.000</b>	<b>35.419.000.393</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2019.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**iv. Giá trị hợp lý****(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	43.010.256.382	58.813.554.963	24.400.431.461	57.082.004.547
<i>Phải thu khác</i>	2.906.479.266	3.504.273.186	589.961.684	2.854.221.349
<i>Đầu tư tài chính</i>	2.665.408.000	3.980.677.195	2.665.408.000	3.980.677.195
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	419.621.081	1.566.775.146	419.621.081	1.566.775.146
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.001.764.729</b>	<b>67.865.280.490</b>	<b>28.075.422.226</b>	<b>65.483.678.237</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Phải trả người bán</i>	8.965.740.776	23.486.812.901	8.965.740.776	23.486.812.901
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	2.583.780.562	11.932.187.492	2.583.780.562	11.932.187.492
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.549.521.338</b>	<b>35.419.000.393</b>	<b>11.549.521.338</b>	<b>35.419.000.393</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý****Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**9. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận không được trình bày trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là lĩnh vực xây dựng và toàn bộ sản phẩm được tiêu thụ tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

#### 10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

##### 10.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	2020 VND	2019 VND
Tiền lương	617.359.000	870.449.000
Phụ cấp	-	10.000.000
	<u>617.359.000</u>	<u>880.449.000</u>

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### 10.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty liên quan/ Nội dung nghiệp vụ	2020 VND	2019 VND
Công ty cổ phần Điện Địa nhiệt Lioa • Chi hộ	-	1.944.000


*Số dư phải thu với các bên có liên quan khác như sau*


Công ty liên quan/ Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty cổ phần Điện Địa Nhiệt Lioa • Phải thu ngắn hạn	11.515.000	11.515.000
• Phải thu khác	583.691.369	581.747.369

#### 10.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

  
HỒ NGỌC QUỐC THÁI  
Người lập biểu

  
PHAN THỊ THANH VI  
Kế toán trưởng

  
NGUYỄN CÔNG QUYỀN  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021